

Phụ lục I
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
			Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030	
1	Thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	II	I	
2	Huyện Năm Căn	Đô thị Năm Căn	IV	Đầu tư theo tiêu chí đô thị loại III, làm cơ sở nâng loại đô thị	Phấn đấu đầu tư theo đa số các tiêu chí đô thị loại III làm cơ sở nâng loại đô thị cho toàn bộ địa giới hành chính huyện (trở thành thị xã)
3		Đô thị Hàm Rồng	V	V	
4		Đô thị Hàng Vịnh		V	
5	Huyện Trần Văn Thời	Đô thị Sông Đốc	IV	Đầu tư theo tiêu chí đô thị loại III, làm cơ sở nâng loại đô thị	Phấn đấu đầu tư theo đa số các tiêu chí đô thị loại III làm cơ sở nâng loại đô thị cho toàn bộ địa giới hành chính huyện (trở thành thị xã)
6		Đô thị Trần Văn Thời	V	IV	
7		Đô thị Khánh Bình Tây	V	V	
8	Huyện Cái Nước	Đô thị Cái Nước	V	IV	
9		Đô thị Tân Hưng		V	
10		Đô thị Hưng Mỹ		V	
11		Đô thị Thạnh Phú		V	
12		Đô thị Phú Hưng		V	
13		Đô thị Trần Thới		V	
14	Huyện Phú Tân	Đô thị Cái Đôi Vàm	V	IV	
15		Đô thị Phú Tân		V	

TT	Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
			Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030	
16	Huyện Đầm Dơi	Đô thị Đầm Dơi	V	IV	
17		Đô thị Thanh Tùng		V	
18		Đô thị Nguyễn Huân		V	
19		Đô thị Quách Phẩm		V	
20		Đô thị Trần Phán		V	
21		Đô thị Tân Thuận		V*	
22	Huyện Thới Bình	Đô thị Trí Phải	V	V	
23		Đô thị Hồ Thị Kỳ		V	
24		Đô thị Thới Bình	V	V*	
25	Huyện U Minh	Đô thị Khánh Hội		V	
26		Đô thị Khánh An		V	
27		Đô thị U Minh	V	V*	
28	Huyện Ngọc Hiển	Đô thị Rạch Gốc	V	IV	
29		Đô thị Đất Mũi	V	V*	

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

V*: Đầu tư theo tiêu chí đô thị loại IV.

Phụ lục II
DANH MỤC KHU KINH TẾ
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu kinh tế	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Khu Kinh tế Năm Căn	Huyện Năm Căn	10.801,95	Quyết định số 66/2010/QĐ-TTg ngày 27/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Ghi chú: Diện tích và phạm vi ranh giới khu kinh tế được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng.

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
A	Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ		1.208,31	
I	Các khu công nghiệp đã thành lập		707,31	
1	Khu công nghiệp Khánh An	Huyện U Minh	235,86	
2	Khu công nghiệp Hòa Trung	Huyện Cái Nước	326	
3	Khu công nghiệp Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời	145,45	
-	Khu công nghiệp Sông Đốc phía Nam	Huyện Trần Văn Thời	100	
-	Khu công nghiệp Sông Đốc phía Bắc	Huyện Trần Văn Thời	45,45	Điều chỉnh vị trí về phía Nam và thành lập mới
II	Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp		501	
1	Khu công nghiệp Khánh An mở rộng (Khu công nghiệp Tắc Thủ)	Huyện U Minh	345	
2	Khu công nghiệp trong Khu Kinh tế Năm Căn	Trong Khu Kinh tế Năm Căn	156	
B	Các khu công nghiệp tiềm năng mở rộng, thành lập mới trong trường hợp tỉnh Cà Mau được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp		607	
1	Khu công nghiệp trong Khu Kinh tế Năm Căn	Trong Khu Kinh tế Năm Căn	264	Mở rộng
2	Khu công nghiệp Tân Thuận	Huyện Đầm Dơi	343	Thành lập mới

Ghi chú: Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		1.025,83	
I	Các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động		79,15	
1	Cụm công nghiệp Phường 8 và xã Lý Văn Lâm	Thành phố Cà Mau	50,00	
2	Cụm công nghiệp Hòa Thành, thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	29,15	
II	Các cụm công nghiệp thành lập mới		946,68	
1	Cụm công nghiệp Tân Thuận	Huyện Đầm Dơi	50,00	
2	Cụm công nghiệp Đầm Cùng	Huyện Cái Nước	50,00	
3	Cụm công nghiệp Quản lộ Phụng Hiệp	Thành phố Cà Mau	75,00	
4	Cụm công nghiệp thị trấn Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	75,00	
5	Cụm công nghiệp xã Hồ Thị Kỷ	Huyện Thới Bình	75,00	
6	Cụm công nghiệp Phú Tân	Huyện Phú Tân	70,00	
7	Cụm công nghiệp Làng nghề Phú Tân	Huyện Phú Tân	20,00	
8	Cụm công nghiệp Khánh Hội	Huyện U Minh	50,00	
9	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thị trấn Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển	75,00	
10	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Ngọc Hiển	Huyện Ngọc Hiển	18,23	
11	Cụm công nghiệp xã Thới Bình	Huyện Thới Bình	63,10	
12	Cụm công nghiệp thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	75,00	
13	Cụm công nghiệp Trí Phải	Huyện Thới Bình	25,35	
14	Cụm công nghiệp Đất Biển	Huyện Trần Văn Thời	75,00	
15	Cụm công nghiệp Vàm Xáng	Huyện Trần Văn Thời	50,00	
16	Cụm công nghiệp làng nghề Khánh Bình Tây	Huyện Trần Văn Thời	25,00	
17	Cụm công nghiệp Nguyễn Phích	Huyện U Minh	75,00	

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục V
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
A	CAO TỐC, QUỐC LỘ			
I	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.			
II	Xây dựng tuyến đường cao tốc từ thành phố Cà Mau đến Đất Mũi (triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)	Thành phố Cà Mau	Huyện Ngọc Hiển	4 làn xe
B	ĐƯỜNG TỈNH			
I	Đường tỉnh giữ nguyên chiều dài tuyến			
1	Đường ven biển	Cầu Gành Hào - Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Ranh U Minh, tỉnh Cà Mau - An Minh, tỉnh Kiên Giang	Cấp IV-ĐB
2	Đường tỉnh 983 (ĐT.983)	Quốc lộ 63 tại UBND xã Trí Phải	Đường 3/2 tại thị trấn Thới Bình	Cấp III-ĐB
3	Đường tỉnh 985B (ĐT.985B)	Giao với đường ĐT.984B Võ Văn Kiệt	Đường ven biển (cầu sông Ông Đốc)	Cấp III-ĐB
4	Đường tỉnh 985C (ĐT.985C)	ĐT.984B Võ Văn Kiệt	Đường ven biển (cổng Đá Bạc)	Cấp IV-ĐB
5	Đường tỉnh 985D (ĐT.985D)	Quốc lộ 1 tại Km2267+800 (trước cầu Rau Dừa)	Đường ven biển (thị trấn Sông Đốc)	Cấp IV-ĐB
6	Đường tỉnh 986 (ĐT.986)	ĐT.988 (thị trấn Đầm Dơi)	Đường ven biển (thị trấn Cái Đôi Vàm)	Cấp IV-ĐB

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
II	Đường tỉnh điều chỉnh chiều dài tuyến			
1	Đường tỉnh 983B (ĐT.983B)	Ranh giới Bạc Liêu - Cà Mau	Đường ven biển (xã Khánh Hội, huyện U Minh)	Cấp III-ĐB
2	Đường tỉnh 984 (ĐT.984)	ĐT.985C (Cầu T13)	Đường ven biển (xã Khánh Hội, huyện U Minh)	Cấp IV-ĐB
3	Đường tỉnh 984B (ĐT.984B)	Quản Lộ - Phụng Hiệp	ĐT.984 (tại KCN Khí - điện - đạm)	Cấp III-ĐB
4	Đường tỉnh 984C (ĐT.984C)	Đường hành lang ven biển phía Nam	ĐT.984 (T13-U Minh - Khánh Hội)	Cấp V-ĐB
5	Đường tỉnh 984D (ĐT.984D)	Đường hành lang ven biển phía Nam	ĐT.984C	Cấp V-ĐB
6	Đường tỉnh 985 (ĐT.985)	ĐT.985B	ĐT.985D	Cấp IV-ĐB
7	Đường tỉnh 985F (ĐT.985F)	Giao với quốc lộ 1	Đường ven biển	Cấp IV-ĐB
8	Đường tỉnh 988 (ĐT.988)	Đường Hải Thượng Lãn Ông	ĐT.986 (Thị trấn Đầm Dơi)	Cấp IV-ĐB
9	Đường tỉnh 988B (ĐT.988B)	Giao với quốc lộ 1	UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Cấp IV-ĐB
III	Nâng cấp từ đường huyện lên đường tỉnh			
1	Đường tỉnh 986B (ĐT.986B)	Quốc lộ 1 (huyện Năm Căn)	ĐT.986 (huyện Phú Tân)	Cấp IV-ĐB
IV	Đường tỉnh mở mới			
1	Đường tỉnh 985E (ĐT.985E)	ĐT.985D	Đầm Thị Tường	Cấp III-ĐB
2	Đường tỉnh 983C (ĐT.983C)	Tuyến tránh quốc lộ 1	Sông Trèm Trẹm	Cấp III-ĐB
3	Đường tỉnh 990 (ĐT.990)	ĐT.988 (Thị trấn Đầm Dơi)	Thị trấn Năm Căn (huyện Năm Căn)	Cấp IV-ĐB
4	Đường tỉnh 987 (ĐT.987)	Tuyến tránh quốc lộ 1	Đường ven biển	Cấp IV-ĐB
5	Đường tỉnh 983D (ĐT.983D)	Quốc lộ 63 tại UBND xã Tân Phú	Ranh tỉnh Bạc Liêu	Cấp III-ĐB

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

Phụ lục VI
DANH MỤC DỰ KIẾN HỆ THỐNG CẢNG BIỂN,
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA, CẢNG CẠN, BẾN XE, TRẠM DỪNG NGHỈ
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CẢNG BIỂN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Cảng biển thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cảng thủy nội địa thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

B. CẢNG CẠN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Định hướng đến năm 2030		Địa điểm
			Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt HK/năm)	
I	Cảng cạn				
1	Cảng cạn	Tổng hợp			Tỉnh Cà Mau
II	Cảng hành khách				
1	Cảng khách Năm Căn	Cấp II	100	2.000	Huyện Năm Căn
2	Cảng khách Đất Mũi	Cấp II	100	2.000	Huyện Ngọc Hiển
3	Cảng khách Hòn Khoai	Cấp II	100	2.000	Huyện Ngọc Hiển
4	Cảng khách Hòn Chuối	Cấp II	100	2.000	Huyện Trần Văn Thời
5	Cảng hành khách khác		100	2.000	Các huyện

C. CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH, TRÚ BẢO

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
1	Sông Ông Đốc (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp I	Huyện Trần Văn Thời
2	Cà Mau	Cấp II	Thành phố Cà Mau
3	Hòn Khoai (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão)	Cấp II	Huyện Ngọc Hiển
4	Rạch Góc (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp II	Huyện Ngọc Hiển

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
5	Cái Đôi Vàm (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp II	Huyện Phú Tân
6	Hố Gùi (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Đầm Dơi
7	Khánh Hội (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp II	Huyện U Minh
8	Rạch Tàu (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Ngọc Hiển
9	Đá Bạc (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Trần Văn Thời
10	Bồ Đề (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Năm Căn

D. BẾN XE, TRẠM DỪNG NGHỈ

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
I	Bến xe		
1	Bến xe khách Cà Mau - Kiên Giang	Loại 4	Thành phố Cà Mau
2	Bến xe khách Quản Lộ - Phụng Hiệp	Loại 1	Thành phố Cà Mau
3	Bến xe khách Cà Mau	Loại 2	Thành phố Cà Mau
4	Bến xe khách Thới Bình	Loại 4	Huyện Thới Bình
5	Bến xe khách Khánh Hội	Loại 4	Huyện U Minh
6	Bến xe khách Sông Đốc	Loại 2	Huyện Trần Văn Thời
7	Bến xe khách Cái Nước	Loại 3	Huyện Cái Nước
8	Bến xe khách Cái Đôi Vàm	Loại 4	Huyện Phú Tân
9	Bến xe khách Đầm Dơi	Loại 4	Huyện Đầm Dơi
10	Bến xe - tàu khách Năm Căn	Loại 2	Huyện Năm Căn
11	Bến xe khách Ngọc Hiển	Loại 3	Huyện Ngọc Hiển
12	Bến xe khách Đất Mũi	Loại 3	Huyện Ngọc Hiển
13	Các bến xe khách khác		Các huyện, thành phố
II	Trạm dừng nghỉ		
1	Trạm dừng nghỉ phía Bắc thành phố Cà Mau		Thành phố Cà Mau
2	Trạm dừng nghỉ Năm Căn		Huyện Năm Căn
3	Trạm dừng nghỉ Đất Mũi		Huyện Ngọc Hiển
4	Trạm dừng nghỉ Rạch Gốc		Huyện Ngọc Hiển

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục VII
DANH MỤC DỰ KIẾN TUYỂN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. TUYỂN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CẤP QUỐC GIA

Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

B. TUYỂN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Điểm đầu - Điểm cuối	Địa điểm	Ghi chú
1	Sông Cái Tàu - Biện Nhị	IV	Ngã ba Cái Tàu - Cửa Khánh Hội	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
2	Kênh Thị Kẹo - Cái Đôi Vàm				Cải tạo, nâng cấp
2.1	Đoạn 1	IV	Ngã ba Phong Điền - Ngã ba Vàm Đình	Huyện Trần Văn Thời, Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
2.2	Đoạn 2	V	Ngã ba Vàm Đình - UBND xã Tân Hải	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
2.3	Đoạn 3	IV	UBND xã Tân Hải - Cửa Cái Đôi Vàm	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
3	Sông Bảy Háp	III	Ngã ba Đầm Cùng - Cửa Gò Công	Huyện Cái Nước, Năm Căn, Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
4	Sông Rạch Rập - Đầm Cùng				Cải tạo, nâng cấp
4.1	Đoạn 1	V	Ngã ba kênh Lương Thế Trân - thị trấn Cái Nước	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
4.2	Đoạn 2	IV	Thị trấn Cái Nước - Ngã ba Đầm Cùng	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
5	Sông Năm Căn - Rạch Tàu	IV	Năm Căn - Rạch Tàu	Huyện Năm Căn, Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp
6	Sông Rạch Gốc	III	Vàm Ông Định - Cửa Rạch Gốc	Huyện Năm Căn, Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp
7	Sông Đầm Dơi	III	Ngã ba Mương Điều - Cửa Hồ Gù	Huyện	Cải tạo, nâng cấp

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Điểm đầu - Điểm cuối	Địa điểm	Ghi chú
				Đầm Dơi, Năm Căn	
8	Sông Đầm Chim				Cải tạo, nâng cấp
8.1	Đoạn 1	IV	Ngã ba Tân Tiến - Ngã ba Trảng Tràm	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
8.2	Đoạn 2	IV	Ngã ba Vàm Đầm - Ngã ba Tam Giang	Huyện Đầm Dơi, Năm Căn	Cải tạo, nâng cấp
9	Kênh Xáng Huyện Sủ	IV	Cầu Trí Phải - Ngã ba Chủ Trí	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
10	Sông Bến Dừa	III	Giáp sông Cửa Lớn - UBND xã Thanh Tùng	Huyện Năm Căn, Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
11	Kênh 17	IV	Đầu sông Ông Đơn (giáp sông Bến Dừa) - Ngã ba Tam Giang	Huyện Năm Căn, Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
12	Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	V	Cống Cà Mau - Ngã ba sông Gành Hào	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
13	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau	V	Hạ lưu Trạm quản lý đường thủy nội địa Cà Mau 200 m - Ngã ba sông Gành Hào	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
14	Sông Gành Hào	V	Ngã ba kênh Lương Thế Trân - Cảng xếp dỡ phường 1 về phía thượng lưu 200 m	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục VIII
DANH MỤC DỰ KIẾN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC KHU VỰC CÓ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÁC NGUỒN ĐIỆN

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất (MW)		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
1	Khu vực điện gió Ngọc Hiển		275	Huyện Ngọc Hiển	
2	Khu vực điện gió Đầm Dơi		201	Huyện Đầm Dơi	
3	Khu vực điện gió Năm Căn		174	Huyện Năm Căn	
4	Khu vực điện gió Trần Văn Thời		50	Huyện Trần Văn Thời	
5	Nhiệt điện		11.150		
-	Khu vực điện khí Ngọc Hiển		450	Huyện Ngọc Hiển	
-	Khu vực điện khí U Minh		4.500	Huyện U Minh	
-	Khu vực điện khí Đầm Dơi		3.200	Huyện Đầm Dơi	
-	Khu vực điện khí Trần Văn Thời		3.000	Huyện Trần Văn Thời	
6	Điện mặt trời (tự sản, tự tiêu)				
-	Điện mặt trời mái nhà công trình xây dựng	111,579	126,579	Tỉnh Cà Mau	
-	Điện mặt trời mái nhà công trình xây dựng			Tỉnh Cà Mau	Không giới hạn công suất
-	Điện mặt trời không nối lưới để xuất khẩu điện		1.500 - 4.000	Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển	Đề án xuất khẩu điện, năng lượng mới tỉnh Cà Mau
-	Điện mặt trời kết hợp nuôi trồng thủy sản để sản xuất Hydro xanh, Amoniac xanh			Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển	Không giới hạn công suất
-	Điện mặt trời Ngọc Hiển		60	Huyện Ngọc Hiển	

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất (MW)		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
-	Điện mặt trời kết hợp kè giảm sóng		700	Huyện Phú Tân, Trần Văn Thời	
7	Điện rác				
-	Điện rác U Minh		6	Huyện U Minh	
-	Điện rác Năm Căn		6	Huyện Năm Căn	
-	Điện rác thành phố Cà Mau		4	Thành phố Cà Mau	
8	Điện sinh khối				
-	Điện sinh khối Khánh An (không đốt từ cây rừng)		24	Huyện U Minh	
9	Điện gió				
-	Khu vực điện gió không nối lưới để xuất khẩu điện		3.000 - 7.000	Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển	Đề án xuất khẩu điện, năng lượng mới tỉnh Cà Mau
-	Khu vực điện gió không nối lưới để sản xuất Hydro, Amoniac			Huyện Đầm Dơi, Huyện Ngọc Hiển	Không giới hạn công suất
-	Khu vực điện gió Đầm Dơi		1.050	Huyện Đầm Dơi	
-	Khu vực điện gió Năm Căn		300	Huyện Năm Căn	
-	Khu vực điện gió Ngọc Hiển		4.300	Huyện Ngọc Hiển	
-	Khu vực điện gió Rạch Gốc - Ngọc Hiển		100	Huyện Ngọc Hiển	
-	Khu vực điện gió Trần Văn Thời		1089	Huyện Trần Văn Thời	
-	Khu vực điện gió Phú Tân		423	Huyện Phú Tân	
-	Khu vực điện gió U Minh		700	Huyện U Minh	

B. ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN

I. Đường dây đã được xác định theo Quy hoạch

TT	Tên đường dây	Tiết diện (mm ²)		Số mạch	Chiều dài (km)
		Hiện tại	Xây dựng mới hoặc sau cải tạo		
	Đường dây 220 kV				313,0

TT	Tên đường dây	Tiết diện (mm ²)		Số mạch	Chiều dài (km)
		Hiện tại	Xây dựng mới hoặc sau cải tạo		
*	Xây dựng mới				313,0
1	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 đến TBA 220kV Năm Căn		2*330	2	65,0
2	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 đến TBA 220kV NMĐG Cà Mau 1A		2*330	2	57,0
3	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Năm Căn đến TBA 220kV 220kV NMĐG Viên An		2*330	2	20,0
4	Đường dây 220kV nhánh rẽ đầu nối trạm 220kV Cà Mau 3 trên đường dây 220kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 đến trạm 220kV Năm Căn		2*330	2	26,0
	Đường dây 110 kV (theo yêu cầu phụ tải và đầu nối với các đường dây 220 kV)				
*	Xây dựng mới				
1	Đường dây xuất tuyến TBA 220kV Năm Căn đầu nối vào tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Ngọc Hiến :- TBA 110kV Rạch Gốc (hiện có)		400	02	10,0
2	Đường dây xuất tuyến TBA 220kV Năm Căn đầu nối vào tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Ngọc Hiến :- TBA 110kV NMĐG Tân Ân 1 (hiện có)		400	02	10,0
3	Đường dây TBA 220kV Năm Căn :- TBA 110kV Rạch Gốc		400	02	18,0
4	Tuyến đường dây TBA 220kV Năm Căn :- TBA 110kV Tân Hưng Tây		400	02	35,0
5	Đường dây TBA 220kV Năm Căn :- TBA 110kV Nguyễn Huân		2*400	02	40,0
6	Đường dây TBA 110kV Rạch Gốc :- TBA 110kV Khai Long		400	01	35,0
7	Đường dây TBA 110kV Khai Long :- TBA 110kV Đảo Hòn Khoai (vượt biển)		240	02	20,0
8	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Đầm Dơi :- TBA 110kV nhà máy điện gió Tân Thuận đầu nối TBA 110kV Nguyễn Huân		400	02	25,0
9	Đường dây rẽ nhánh trên tuyến đường dây TBA 110kV nhà máy điện gió Tân Thuận :- TBA 110kV Đông Hải đầu nối TBA 110kV Tân Thuận		240	02	5,0

TT	Tên đường dây	Tiết diện (mm ²)		Số mạch	Chiều dài (km)
		Hiện tại	Xây dựng mới hoặc sau cải tạo		
10	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 :- TBA 110kV Đầm Dơi đầu nối TBA 110kV KCN Hòa Trung		240	02	6,0
11	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Cà Mau :- TBA 220kV Giá Rai 2 đầu nối TBA 110kV Định Bình		240	02	2,0
12	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV An Xuyên :- TBA 110kV Hồng Dân (Bạc Liêu) đầu nối TBA 110kV Đông Bắc (đổi tên từ Cà Mau 3)		240	02	1,0
13	Đường dây TBA 110kV An Xuyên :- TBA 110kV Thới Bình		400	01	17,0
14	Đường dây TBA 110kV Thới Bình :- TBA 110kV Vĩnh Thuận (Kiên Giang)		400	01	13,0
15	Đường dây TBA 220kV Cà Mau 2 :- TBA 110kV U Minh		2*400	02	40,0
16	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV đầu nối TBA 110kV nhà máy điện gió Khánh Hội rẽ nhánh TBA 110kV Khánh Hội		400	02	2,0
17	Đường dây TBA 110kV Cà Mau 2 :- TBA 110kV Trần Văn Thời (mạch 2)		400	01	25,0
18	Đường dây rẽ nhánh trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 :- TBA 110kV Trần Văn Thời đầu nối TBA 110kV Khánh Bình Tây		240	02	25,0
19	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Cái Nước :- TBA 110kV Ngọc Hiển đầu nối TBA 110kV KCN Năm Căn		2*240	02	3,0
	Cải tạo, nâng tiết diện dây				
1	Phân pha lộ 171 TBA 220kV Cà Mau 2 - Lộ 172 TBA 110kV Khánh An		2*240	02	4,5
2	Phân pha Lộ 171 TBA 110kV Khánh An - Lộ 172 TBA 220kV Cà Mau		2*240	02	4,5
3	Nâng tiết diện dây tuyến đường dây lộ 173 TBA 110kV Đầm Dơi :- Lộ 172 TBA 110kV NMDG Tân Thuận		2*240	02	26,6
4	Nâng tiết diện dây tuyến đường dây lộ 171 TBA 110kV NMDG Tân Thuận :- Lộ 174 TBA 110kV Đông Hải		2*240	02	12,1

TT	Tên đường dây	Tiết diện (mm ²)		Số mạch	Chiều dài (km)
		Hiện tại	Xây dựng mới hoặc sau cải tạo		
5	Phân pha lộ 171 TBA 110kV Thới Bình - Lộ 171 TBA 110kV An Xuyên		2*240	02	20,0

II. Đường dây dự kiến theo tiềm năng phát triển nguồn điện

TT	Tên đường dây	Cấp điện áp (kV)	Chiều dài (km)
Đường dây 500 kV			
1	Đường dây 500kV gom công suất NLTT đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	500	100,0
2	Đường dây truyền tải DC xuất khẩu điện	Đến 500	Do nhà đầu tư đề xuất
3	Đường dây 500kV TBA 500kV Cà Mau :-TBA 500kV Bạc Liêu	500	70,0
4	Đường dây 500kV TBA 500kV Cà Mau :-TBA 500kV Ô Môn (giải phóng công suất TBKHH; NLTT)	500	130,0
5	Đường dây 500kV TBA 500kV LNG Cà Mau 3 :-TBA 500kV Bạc Liêu (giải phóng công suất TBKHH)	500	80,0
6	Đường dây 500kV TBA 500kV LNG Tân Thuận :-TBA 500kV Bạc Liêu (giải phóng công suất TBKHH)	500	28,0
Đường dây 220 kV			
1	Đường dây 220kV gom công suất NLTT đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	220	Do nhà đầu tư đề xuất
2	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Cà Mau 3 đến TBA 500kV Hòa Bình (Bạc Liêu)	220	70,0
3	Đường dây 220kV nhánh rẽ trên tuyến đường dây từ TBA 220kV Cà Mau 3 đến TBA 500kV Hòa Bình (Bạc Liêu) cấp điện cho TBA 220kV Cà Mau 6	220	15,0
4	Đường dây 220kV nhánh rẽ trên tuyến đường dây từ TBA 220kV Cà Mau 2 :- TBA 220kV Năm Căn cấp điện cho TBA 220kV Cà Mau 4	220	30,0
5	Đường dây 220kV nhánh rẽ trên tuyến đường dây từ TBA 220kV Cà Mau 2 :- TBA 220kV Năm Căn cấp điện cho TBA 220kV Cà Mau 5	220	25,0
6	Đường dây 220kV từ TBA 500kV Cà Mau đến đường dây 220kV TBA 220kV Cà Mau 2 :- TBA 220kV Năm Căn	220	3,0
7	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Ngọc Hiển đến TBA 220kV Cà Mau 3	220	3,0

C. CÁC TRẠM BIẾN ÁP

I. Các trạm biến áp

TT	Tên trạm	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)

TT	Tên trạm	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)
	Trạm 220kV				
*	Xây dựng mới				
1	Trạm 220kV Năm Căn			220/110	250
2	Trạm 220kV Cà Mau 3			220/110	250+200
3	Trạm 220kV Cụm nhà máy điện gió Cà Mau 1			35/220	250
4	Trạm 220kV Nhà máy điện gió Viên An			35/220	250
*	Mở rộng, nâng công suất				
1	Trạm 220kV Năm Căn	220/110	250	220/110	2x250
	Trạm 110kV (đảm bảo nhu cầu phụ tải của tỉnh)				
*	Xây dựng mới				
1	TBA 110kV Thới Bình			110/22	40
2	TBA 110kV Định Bình			110/22	40
3	TBA 110kV Nguyễn Huân			110/22	40
4	TBA 110kV U Minh			110/22	40
5	TBA 110kV KCN Hòa Trung			110/22	63
6	TBA 110kV Khai Long			110/22	3x40
7	TBA 110kV Đảo Hòn Khoai			110/22	40
8	TBA 110kV Đông Bắc (đổi tên từ Cà Mau 3)			110/22	63
9	TBA 110kV KKT Năm Căn			110/22	2x40
10	TBA 110kV Khánh Bình Tây			110/22	40
11	TBA 110kV Khánh Hội			110/22	40+63
*	Cải tạo, nâng công suất				
1	TBA 110kV Đầm Dơi	110/22	25	110/22	40
2	TBA 110kV Thới Bình	110/22	40	110/22	2x40
3	TBA 110kV Sông Đốc	110/22	40	110/22	2x40
4	TBA 110kV Định Bình	110/22	40	110/22	2x40
5	TBA 110kV Cái Nước	110/22	40	110/22	2x40
6	TBA 110kV Tân Hưng Tây	110/22	40	110/22	2x40

II. Các trạm biến áp theo tiềm năng phát triển

TT	Tên trạm	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)
	Trạm 500kV				
*	Xây dựng mới				
1	Trạm chuyển đổi AC/DC xuất khẩu điện			110/220/500	Theo đề xuất NĐT
2	Trạm 500kV gom công suất năng lượng tái tạo lên đường dây truyền tải về trạm chuyển đổi xuất khẩu điện	Số lượng trạm biến áp, dung lượng và vị trí cụ thể do nhà đầu tư đề xuất			
3	Trạm 500kV Cà Mau			500/220	2x900
4	Trạm 500kV LNG Cà Mau 3			220/500	2x900
5	Trạm 500kV LNG Tân Thuận			220/500	900
	Trạm 220kV				
*	Xây dựng mới				
1	Trạm 220kV Ngọc Hiến (giải phóng công suất các nhà máy điện gió ngoài khơi)			22/35/220	4x250
2	Trạm 220kV Cà Mau 4 (gom			35/110/220	2x250
3	năng lượng tái tạo) Trạm 220kV Cà Mau 5 (gom năng lượng tái tạo)			35/110/220	2x250
4	Trạm 220kV Cà Mau 6			35/110/220	2x250
*	Nâng công suất				
1	Trạm 220kV Cà Mau 3	220/110	250+200	220/110	3x250+200
	Trạm 110kV				
1	TBA 110kV Năm Căn 1			110/22	2x40
2	TBA 110kV Cái Đoi Vàm			110/22	2x40
3	TBA 110kV Tân Thuận			110/22	63
4	TBA 110kV Cụm công nghiệp Hồ Thị Kỷ			110/22	63

D. CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG KHÍ

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
I	Dự án năng lượng khí theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ				
-	Kho LNG Tây Nam Bộ (FSRU/trên bờ; bao gồm đường ống từ kho LNG về bờ cấp khí cho các hộ tiêu thụ khí khu vực Cà Mau)		1 - 3 tỷ m ³ /năm	Tỉnh Cà Mau	

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
-	Đường ống từ mỏ Nam Du, U Minh về đường ống PM3 - Cà Mau		0,5 tỷ m ³ /năm (30 - 40 km)	Tỉnh Cà Mau	
-	Đường ống cấp bù khí PM3 - Cà Mau (từ KP209 của đường ống Lô B)		2,4 tỷ m ³ /năm (dài 37 km)	Tỉnh Cà Mau	
-	Hệ thống đường ống từ nhà máy xử lý khí Cà Mau tới các hộ tiêu thụ lân cận		0,5 - 1 tỷ m ³ /năm	Tỉnh Cà Mau	
-	Kho LNG cho các vị trí nhà máy điện tiềm năng, dự phòng cho các dự án nhà máy điện chậm tiến độ hoặc không thể triển khai (trong đó có khu vực tại Cà Mau)				Được thực hiện đồng bộ với nhà máy điện phù hợp với Quy hoạch Điện VIII
II	Phát triển các dự án năng lượng khí tiềm năng				
-	Kho LNG nổi FSRU + cảng nhập LNG		1,5 triệu/năm	Khu vực biển Tây tỉnh Cà Mau	
-	Đường ống dẫn khí từ kho LNG nổi FSRU đến nhà các máy điện Cà Mau		2 tỷ m ³ /năm	Do nhà đầu tư đề xuất theo vị trí các kho	
-	Các nhà máy sản xuất Hydrogen, Amoniac + cảng xuất		60.000 tấn/năm	Huyện Đầm Dơi	Cảng xuất cho tàu 5.000 tấn
-	Các nhà máy sản xuất Hydrogen, Amoniac + cảng xuất		26.248 tấn/năm	Huyện Ngọc Hiển	Cảng xuất cho tàu 8.000 tấn

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phát triển nguồn điện, trạm biến áp, các tuyến đường dây và các dự án khí trên địa bàn tỉnh chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

- Đối với Danh mục các dự án nguồn điện, trạm biến áp, đường dây và các dự án khí tiềm năng được phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh có văn bản trình cấp thẩm quyền xem xét cho ý kiến chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

Phụ lục IX
DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH ĐÊ, KÈ, CỐNG, THỦY LỢI, CẤP
NƯỚC, HỒ CHỨA, ĐÊ BAO ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỈNH CÀ MAU THỜI
KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
I	Đê		
1	Tuyến đê biển Đông tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn, huyện Ngọc Hiển	Dài khoảng 138km
2	Tuyến đê biển Tây từ Sông Đốc đến Cái Đôi Vàm	Huyện Trần Văn Thời, huyện Phú Tân	Chiều dài tuyến đê khoảng 23 km; đầu tư 03 cầu bắc ngang đê
3	Dự án đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh 5 và kè phòng chống sạt lở biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Đốc đến cửa Bảy Háp	Huyện Phú Tân, Huyện Trần Văn Thời	Chiều dài kè khoảng 11 km; chiều dài đê biển khoảng 19 km
4	Tuyến đê Sông Bảy Háp	Huyện Cái Nước, huyện Phú Tân	Chiều dài tuyến đê khoảng 25 km
5	Quản lý bảo vệ vùng ven biển Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Hệ thống đê biển, kè chống sạt lở tỉnh Cà Mau
6	Tiếp tục triển khai Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển	Địa bàn tỉnh Cà Mau	Hệ thống đê biển Tây tỉnh Cà Mau
7	Dự án “Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau” thuộc Dự án “Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau”	Huyện U Minh	Chiều dài kè khoảng 3,801 km; Chiều dài đê biển khoảng 9,917 km; Trồng rừng sau kè khoảng 20,55 ha
II	Kè		
1	Các kè phòng, chống sạt lở bờ biển	Các huyện ven biển	
1.1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở đoạn từ cửa biển Kiến Vàng đến cửa biển Vàm Lũng	Huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 5 km
1.2	Dự án đầu tư xây dựng kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây (giai đoạn 2)	Huyện Phú Tân, huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh	Chiều dài tuyến kè khoảng 22 km
1.3	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 43 km

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
1.4	Dự án xây dựng kè tạo bãi khô phục rừng phòng hộ bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 15 km
1.5	Kè phòng, chống sạt lở bờ biển Tây đoạn từ Khánh Hội đến Cái Cấm (kè giảm sóng)	Tỉnh Cà Mau	Chiều dài tuyến kè khoảng 12,53 km
1.6	Đoạn sạt lở bờ biển Đông từ cửa biển Kênh Năm Ô Rô đến cửa biển Vàm Xoáy	Huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 6,5 km
1.7	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển từ Hóc Năng đến Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 16,5 km
1.8	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển khu vực cửa Vàm Xoáy, Hố Gù và đoạn Hố Gù hướng về Bồ Đề	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 12,143 km
1.9	Các đoạn kè khu vực cửa biển tại ấp Lưu Hoa Thanh; khu vực cửa sông, ven biển Vàm Xoáy	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 1,55 km
2	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở khu vực chợ Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi	Đắp đập trên Sông Đầm Chim dài khoảng 110m; nạo vét Rạch Xóm Tắc khoảng 2.000 m; xây dựng kè dài khoảng 1.752 m
3	Các kè chống sạt lở bờ biển Tây	Các huyện ven biển	Bờ biển Tây
4	Các kè chống sạt lở bờ biển Đông	Các huyện ven biển	Bờ biển Đông
5	Các kè khắc phục sạt lở bờ sông	Tỉnh Cà Mau	
III	Cống		
1	Xây dựng các cống trên tuyến đê từ Kênh 5 - Cái Đôi Vàm (Cái Đôi Nhỏ, Rạch Dơi, Trời Đánh, Gò Công, Sáu Hậu, Ngã Tư, Rạch Mới, Kênh 90, Rạch Chèo)	Huyện Phú Tân	B=10 ÷ 15 m
2	Xây dựng Cống Trương Đạo, Khai Hoang	Huyện Đầm Dơi	B=20 ÷ 30 m
3	Xây dựng Cống Giáo Hồ	Huyện Cái Nước	B=10 ÷ 20 m
4	Xây dựng Cống Gành Hào	Huyện Đầm Dơi	B=400 m
5	Xây dựng Cống Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời	B=100 m
IV	Hệ thống thủy lợi, cấp nước, hồ chứa, bờ bao		
1	Xây dựng hệ thống trạm bơm tiêu vùng II, III - Bắc Cà Mau (Xây dựng 03 trạm bơm: TB Kênh T29, TB Kênh Đá Bạc, TB Kênh Rạch Lùm) và 17 trạm bơm thuộc các xã Khánh Bình Đông, Trần Hợi, Khánh Hưng, Khánh Hải)	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng 20 trạm bơm công suất từ 2.500 ÷ 20.000 m ³ /h

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
2	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, IV, V - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh, Huyện Trần Văn Thời	+ Hệ thống đê bao; + Hệ thống cống, trạm bơm điều tiết nước; + Nạo vét hệ thống kênh nội đồng
3	Cụm công trình Tắc Thủ và các công trình thủy lợi ven biển Tây	Huyện Thới Bình, thành phố Cà Mau	Cống âu thuyền Tắc Thủ: mở rộng cống, sửa chữa âu thuyền cũ và xây dựng thêm mới 01 âu thuyền. - Cụm công trình từ cống âu thuyền Tắc Thủ đến cống Cà Mau: (i) Sửa chữa 02 cống hiện có (gồm cống: Bạch Ngưu, Đường Xuông); xây dựng mới 04 cống (gồm cống: Bến Gỗ, Nông Kè Nhỏ, Nông Kè Lớn, Cống Giồng Kè).
4	Xây dựng hồ chứa nước ngọt	Huyện U Minh	Dung tích hồ 3,7 triệu m ³
5	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XIV - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước	Xây dựng 01 Đê bao dài khoảng 9.500 m, 28 cống
6	Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau (giai đoạn 2)	Thành phố Cà Mau	13 cống
7	Xây dựng các hạng mục công trình khép kín tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh	Hệ thống đê bao; hệ thống cống
8	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XII - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước	Hệ thống đê: Tổng chiều dài khoảng 52 km; xây dựng 22 cống hở và 9 bọng
9	Duy tu sửa chữa bờ bao và nạo vét kênh mương (giai đoạn 1)	Các huyện và thành phố Cà Mau	Hệ thống kênh mương
10	Xây dựng hệ thống chuyển nước ngọt cho bán đảo Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Hệ thống thủy lợi phục vụ cho 201.545 ha
11	Cụm các công trình chuyển nước Bắc Cà Mau	Huyện Thới Bình và huyện U Minh	Trạm bơm Chác Bạng, Cống Sông Trẹm, 28 cống ven sông Trẹm, 30 cống ven Chác Bạng, cống âu Tắc Thủ + Trạm bơm

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục X
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu xử lý chất thải	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Cải tạo nâng cấp		
1	Khu xử lý chất thải tại thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	23,21
II	Xây dựng mới		
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh	50
2	Khu xử lý chất thải rắn tập trung huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn	20 (quy hoạch mở rộng lên 40 ha)

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án; bảo đảm tuân thủ quy hoạch này và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục XI
DANH MỤC DỰ KIẾN NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng	Địa điểm
A	Nghĩa trang vùng tỉnh xây dựng mới	
1	Nghĩa trang vùng tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
B	Cơ sở hỏa táng vùng tỉnh	
I	Nâng cấp, cải tạo	
1	Cơ sở hỏa táng trong Nghĩa trang vùng tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
II	Xây dựng mới	
1	Cơ sở hỏa táng gắn với Nghĩa trang huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
2	Cơ sở hỏa táng tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
C	Nhà tang lễ	
I	Nâng cấp, cải tạo	
1	Nhà tang lễ thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
II	Xây dựng mới	
1	Xây dựng nhà tang lễ vùng tỉnh tại huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
2	Xây dựng nhà tang lễ vùng tỉnh tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời

Phụ lục XII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở y tế	Địa điểm dự kiến	Quy mô tối thiểu đến năm 2030 (giường bệnh)	Ghi chú
I	Cơ sở y tế cấp tỉnh			
1	Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	Thành phố Cà Mau	1.200	Xây dựng mới
2	Bệnh viện Mắt và Da liễu	Thành phố Cà Mau	150	Xây dựng mới
3	Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	Thành phố Cà Mau	400	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
4	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Cà Mau	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
5	Bệnh viện Sản Nhi Cà Mau	Thành phố Cà Mau	750	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
7	Trung tâm Giám định y khoa	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
8	Trung tâm Pháp y	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
9	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
10	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
II	Cơ sở y tế ngành			
1	Bệnh viện Quân dân y	Thành phố Cà Mau	130	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
2	Bệnh viện Công an	Thành phố Cà Mau	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
3	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	Thành phố Cà Mau	50	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình

TT	Tên cơ sở y tế	Địa điểm dự kiến	Quy mô tối thiểu đến năm 2030 (giường bệnh)	Ghi chú
III	Cơ sở y tế cấp huyện/thành phố			
1	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	200	Xây dựng mới
2	Trung tâm y tế thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
3	Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	300	Xây dựng mới
4	Trung tâm Y tế huyện Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi		Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
5	Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời	300	Xây dựng mới
6	Trung tâm Y tế huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời		Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
7	Trung tâm y tế huyện Cái Nước	Huyện Cái Nước		Xây dựng mới
8	Bệnh viện Đa khoa Cái Nước	Huyện Cái Nước	500	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
9	Trung tâm y tế huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn		Xây dựng mới
10	Bệnh viện Đa khoa Năm Căn	Huyện Năm Căn	300	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
11	Trung tâm Y tế huyện U Minh	Huyện U Minh	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
12	Trung tâm Y tế huyện Thới Bình	Huyện Thới Bình	200	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
13	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hiển	Huyện Ngọc Hiển	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
14	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XIII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm
I	Khôi các Trường Cao đẳng	3	
1	Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	1	Thành phố Cà Mau
2	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	1	Thành phố Cà Mau
3	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	1	Thành phố Cà Mau
II	Khôi Trung học phổ thông (THPT và liên cấp với THCS)	42	
1	Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh	1	Thành phố Cà Mau
2	Trường THPT Nguyễn Việt Khái	1	Thành phố Cà Mau
3	Trường THCS & THPT Lý Văn Lâm	1	Thành phố Cà Mau
4	Trường THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển	1	Thành phố Cà Mau
5	Trường THPT Tác Vân	1	Thành phố Cà Mau
6	Trường THPT Cà Mau	1	Thành phố Cà Mau
7	Trường THCS & THPT Hồ Thị Kỷ	1	Thành phố Cà Mau
8	Trường THPT Phú Hưng	1	Huyện Cái Nước
9	Trường THPT Cái Nước	1	Huyện Cái Nước
10	Trường THPT Tân Đức	1	Huyện Đầm Dơi
11	Trường THPT Đầm Dơi	1	Huyện Đầm Dơi
12	Trường THPT Thái Thanh Hòa	1	Huyện Đầm Dơi
13	Trường THCS & THPT Nguyễn Huân	1	Huyện Đầm Dơi
14	Trường THPT Quách Văn Phẩm	1	Huyện Đầm Dơi
15	Trường THPT Phan Ngọc Hiển	1	Huyện Năm Căn
16	Trường THCS & THPT Viên An	1	Huyện Ngọc Hiển
17	Trường THPT Ngọc Hiển	1	Huyện Ngọc Hiển
18	Trường THPT Phú Tân	1	Huyện Phú Tân
19	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1	Huyện Phú Tân
20	Trường THCS & THPT Vàm Đĩnh	1	Huyện Phú Tân
21	Trường THCS & THPT Tân Lộc	1	Huyện Thới Bình
22	Trường THCS&THPT Tân Bằng	1	Huyện Thới Bình
23	Trường THPT Thới Bình	1	Huyện Thới Bình
24	Trường THPT Nguyễn Văn Nguyễn	1	Huyện Thới Bình

25	Trường THPT Khánh Hưng	1	Huyện Trần Văn Thời
26	Trường THPT Huỳnh Phi Hùng	1	Huyện Trần Văn Thời
27	Trường PT DTNT THCS Danh Thị Tươi	1	Huyện Trần Văn Thời
28	Trường THPT Trần Văn Thời	1	Huyện Trần Văn Thời
29	Trường THPT Võ Thị Hồng	1	Huyện Trần Văn Thời
30	Trường THPT Sông Đốc	1	Huyện Trần Văn Thời
31	Trường THPT U Minh	1	Huyện U Minh
32	Trường THPT Khánh Lâm	1	Huyện U Minh
33	Trường THCS & THPT Khánh An	1	Huyện U Minh
34	Trường THPT (THPT và liên cấp với THCS)	9	Các huyện, thành phố

Ghi chú:

- Từ viết tắt: THCS: Trung học cơ sở; THPT: Trung học phổ thông.
- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XIV
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP,
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm
1	Cơ sở duy trì hoạt động	6	
-	Phân hiệu Trường Đại học Bình Dương	1	Thành phố Cà Mau
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	1	Thành phố Cà Mau
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập	2	Huyện Năm Căn và huyện Trần Văn Thời
-	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	1	Thành phố Cà Mau
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1	Thành phố Cà Mau
2	Xây dựng mới	4	
-	Trường Đại học	1	Thành phố Cà Mau
-	Trường Cao đẳng nghề	1	Thành phố Cà Mau
-	Trường Trung cấp nghề	1	Thành phố Cà Mau
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	1	Thành phố Cà Mau

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XV
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

TT	Tên thiết chế văn hóa	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	DI TÍCH		
1	Di tích cấp quốc gia đặc biệt		
	Di tích Bến Vàm Lũng - thuộc tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển	Huyện Ngọc Hiển	Xây dựng mới
2	Di tích cấp quốc gia		
2.1	Đảo Hòn Khoai gồm: Khu vực Hải Đăng, Bãi lớn, Bãi nhỏ	Huyện Ngọc Hiển	Xây dựng mới
2.2	Đình Tân Hưng	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.3	Hồng Anh Thư Quán	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.4	Chùa Phật Tổ (Quan Âm Cổ Tự)	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.5	Địa điểm chứng tích tội ác Mỹ - Ngụy ở Biệt khu Hải Yên - Bình Hưng	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
2.6	Hòn Đá Bạc - Trung tâm chỉ huy Kế hoạch phản gián CM12(09/9/1981-09/9/1984)	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
2.7	Các địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	29 điểm tại các huyện Thới Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Năm Căn	Xây dựng mới
2.8	Nhà Dây Thép	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.9	Địa điểm chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là	Huyện Đầm Dơi	Xây dựng mới
2.10	Chùa Cao Dân	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
2.11	Làng rừng Vô Dơi	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng mới
3	Di tích cấp tỉnh		
3.1	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Ngọc Hiển)	Huyện Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp
3.2	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Thới Bình)	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.3	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Cái Nước)	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3.4	Căn cứ Tỉnh ủy tại Lung Lá Nhà Thề	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3.5	Căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Đước	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
3.6	Đình Thần Thới Bình	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.7	Tòa Thánh Ngọc Sắc	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.8	Đình Thần Tân Thành	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp

TT	Tên thiết chế văn hóa	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
3.9	Đền Thờ Vua Hùng	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.10	Địa điểm trận chiến thắng Mường Điều	Huyện Đầm Dơi	Xây dựng mới
3.11	Đền thờ 10 Anh hùng liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.12	Khu lưu niệm Nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi (Bác Ba Phi)	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
3.13	Địa điểm trận chiến thắng Bến Dừa	Huyện Năm Căn	Xây dựng mới
3.14	Địa điểm trận thảm sát của Mỹ - Ngụy tại lung Máng Diệc	Huyện Thới Bình	Xây dựng mới
3.15	Khu Căn cứ Tỉnh đội Cà Mau ở Xẻo Trê (1964-1973)	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3.16	Địa điểm Cây me Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển	Xây dựng mới
3.17	Địa điểm trận đánh Ty cảnh sát Quốc gia An Xuyên của hai nữ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Hồ Thị Kỷ và Huỳnh Thị Kim Liên	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
3.18	Khu tưởng niệm hai lãnh đạo nghĩa quân Đỗ Thừa Luông và Đỗ Thừa Tự	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.19	Nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
3.20	Địa điểm trận thảm sát của thực dân Pháp tại kênh Cái Sắn	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.21	Địa điểm trận đánh tàu trên sông Tam Giang tại vàm rạch Chủ Mưu năm 1970	Huyện Năm Căn	Xây dựng mới
3.22	Đình Thần Phú Mỹ	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
3.23	Địa điểm trận chiến thắng Bàu Thúi	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.24	Miếu Thần Minh	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.25	Đình thần Tân Lộc	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.26	Địa điểm trận chiến thắng Đòn Dong – Tân Quảng	Huyện Phú Tân	Xây dựng mới
3.27	Lăng Ông Nam Hải - Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
3.28	Địa điểm chiến thắng Đặc khu Khai Hoang	Huyện U Minh	Xây dựng mới
3.29	Địa điểm trận thảm sát của Mỹ - Ngụy tại đồng Bàu Hang	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
3.30	Chùa Tam Hiệp	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
3.31	Đình thần Phong Lạc	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng mới
3.32	Miếu bà Thủy Long (Thủy Long Cung Thần Nữ)	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
3.33	Đình thần Tân Xuyên	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.34	Đình thần Tân Nghĩa	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.35	Chùa Rạch Giồng	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp

TT	Tên thiết chế văn hóa	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
3.36	Khu tưởng niệm Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Việt Khái	Huyện Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp
3.37	Đình Thần Tân Bằng	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.38	Đình Thần Tân Trạch	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.39	Chùa Đầu Nai	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
II	THIẾT CHẾ VĂN HÓA - THỂ THAO CẤP TỈNH		
1	Tượng đài kỷ niệm chuyến tàu tập kết ra Bắc năm 1954	Huyện Trần Văn Thới	Xây dựng mới
2	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
3	Trung tâm Văn hóa - nghệ thuật tỉnh (hoặc Nhà hát Hương Tràm)	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
4	Thư viện tỉnh	Thành phố Cà Mau	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa

B. CÁC CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO

TT	Tên cơ sở thể dục thể thao	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Nhà thi đấu đa năng	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
2	Khu huấn luyện và đào tạo	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
3	Khu dịch vụ văn hóa, thể thao	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
4	Khu thể thao dưới nước	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
5	Sân bóng đá	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
6	Khu huấn luyện võ thuật, quân sự thể thao	Huyện Đầm Dơi	Xây dựng mới
7	Khu liên hợp thể thao cấp tỉnh	Huyện Năm Căn, huyện Phú Tân	Xây dựng mới
8	Trung tâm văn hóa và liên hợp thể dục thể thao	Huyện U Minh	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XVI
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CHỢ ĐẦU MỐI (HẠNG I) TỈNH CÀ MAU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên chợ	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Chợ Phường 7	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2	Chợ thị trấn Cái Nước	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3	Chợ thị trấn Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
4	Chợ đầu mối thủy sản	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án theo quy định.

Phụ lục XVII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI,
ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG TÍNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	Lĩnh vực người có công		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Xây dựng mới
II	Lĩnh vực bảo trợ xã hội		
1	Làng trẻ em SOS Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2	Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
3	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
4	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
5	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
6	Cụm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau (Gồm Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Cơ sở cai nghiện ma túy)	Huyện U Minh	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XVIII
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha.

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		527.451,13	100,00	527.451,13	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	464.105,15	87,99	458.543,13	86,94	-5.562,02
	Trong đó						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	95.549,40	18,12	85.024,00	16,12	-10.525,40
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	38.782,78	7,35	43.180,00	8,19	4.397,22
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	42.408,36	8,04	40.827,26	7,74	-1.581,10
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	31.907,10	6,05	30.753	5,83	-1.154,10
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	20.099,86	3,81	20.291	3,85	191,14
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	91.675,74	17,38	91.555	17,36	-120,74
1.6	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	51.474,19	9,76	65.346,00	12,39	13.871,81
	Trong đó						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.164,04	0,41	6.527,00	1,24	4.362,96
2.2	Đất an ninh	CAN	2.813,84	0,53	2.559,93	0,49	-253,91
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	424,50	0,08	1.208,31	0,23	783,81
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			1.025,83	0,19	1.025,83
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	421,66	0,08	1.035,10	0,20	613,44
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	226,07	0,04	389,27	0,07	163,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	12.513,12	2,37	17.597,00	3,34	5.083,88
	Trong đó						
-	Đất giao thông	DGT	8.060,36	1,53	11.050,00	2,09	2.989,64
-	Đất thủy lợi	DTL	3.150,14	0,60	4.119,28	0,78	969,14
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	122,93	0,02	235,12	0,04	112,19
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	78,09	0,01	130,00	0,02	51,91
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	487,50	0,09	729,85	0,14	242,35

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	45,54	0,01	129,00	0,02	83,46
-	Đất công trình năng lượng	DNL	512,28	0,10	1.065,00	0,20	552,72
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	17,48	0,00	22,00	0,00	4,52
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	43,65	0,01	90,00	0,02	46,35
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	61,92	0,01	154,00	0,03	92,08
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	101,37	0,02	139,54	0,03	38,17
2.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	198,47	0,04	345,65	0,07	147,18
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	5.247,57	0,99	6.515,10	1,24	1.267,53
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	1.486,28	0,28	2.931,51	0,56	1.445,23
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	204,98	0,04	298,06	0,06	93,08
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	44,80	0,01	50,17	0,01	5,36
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	11.871,79	2,25	3.562,00	0,68	-8.309,79
II	KHU CHỨC NĂNG	KDT					
1	Đất khu kinh tế	KKT	10.801,95		10.801,95		
2	Đất đô thị	KDT	29.304,15		37.715,00		8.410,85
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	38.782,78		43.180,00		4.397,22
4	Khu lâm nghiệp	KLN	143.682,70		142.599,00		-1.083,70
5	Khu du lịch	KDL	2.745,41		4.589,30		1.843,89
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	25.210,09		25.220,09		10,00
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	424,50		2.234,14		1.809,64
8	Khu đô thị	DTC	5.521,74		7.526,73		2.004,99
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	1.647,88		3.945,90		2.298,02
10	Khu dân cư nông thôn	DNT	21.730,06		21.822,40		92,35

(*) Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

Phụ lục XIX
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu bảo tồn	Phân loại	Địa điểm	Quy mô dự kiến (ha)	Ghi chú
1	Mũi Cà Mau	Vườn quốc gia	Các huyện: Ngọc Hiển, Năm Căn, Phú Tân	37.380	Đã thành lập, chuyển tiếp
2	U Minh Hạ	Vườn quốc gia	Các huyện: U Minh, Trần Văn Thời	8.527,8	Đã thành lập, chuyển tiếp
3	Đầm Thị Tường	Khu dự trữ thiên nhiên	Các huyện: Trần Văn Thời, Phú Tân, Cái Nước	700	Thành lập mới
4	Sân Chim Đầm Dơi	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh	Huyện Đầm Dơi	127	Thành lập mới
5	Khu Rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cụm đảo Hòn Khoai - Hòn Chuối (Rừng cảnh quan trên cụm đảo Hòn Khoai)	Khu bảo vệ cảnh quan	Các huyện: Năm Căn, Trần Văn Thời	528,7	Đã thành lập, chuyển tiếp
6	Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau	Khu bảo vệ cảnh quan	Các huyện: Năm Căn, Phú Tân, Trần Văn Thời	9.000	Thành lập mới

Ghi chú: Diện tích các khu bảo tồn được xác định cụ thể trong quá trình thành lập.

Phụ lục XX
ĐỊNH HƯỚNG PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sông	Vị trí dự kiến		Chức năng nguồn nước
		Điểm đầu	Điểm cuối	
1	Sông Ông Đốc			
1.1	Đoạn từ ranh giới tỉnh Kiên Giang - Cà Mau đến trước khi sông Cái Tàu đổ vào	Ranh tỉnh Kiên Giang	Huyện U Minh	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
1.2	Đoạn 3: từ sau khi sông Cái Tàu đổ vào đến trước khi đổ ra Biển Đông	Huyện U Minh	Huyện Trần Văn Thời	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Sử dụng cho giao thông thủy
2	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu			
2.1	Đoạn 1: từ điểm phân lưu sông Gành Hào đến ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu	Thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Sử dụng cho giao thông thủy
2.2	Đoạn 2: từ ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu đến Tắc Vân, TP Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Cấp nước cho sản xuất công nghiệp 3. Sử dụng cho giao thông thủy
3	Sông Gành Hào			
3.1	Đoạn 1: từ điểm phân nước sông Ông Đốc đến ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu	Huyện U Minh	Thành phố Cà Mau	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Sử dụng cho giao thông thủy
3.2	Đoạn 2: từ ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu đến trước khi đổ ra biển	Thành phố Cà Mau	Huyện Đầm Dơi	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Cấp nước cho sản xuất công nghiệp 3. Sử dụng cho giao thông thủy

TT	Tên sông	Vị trí dự kiến		Chức năng nguồn nước
		Điểm đầu	Điểm cuối	
4	Sông Cái Tàu			
	Toàn tuyến sông Cái Tàu	Huyện U Minh	Huyện U Minh	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
5	Kênh Láng Trâm			
	Từ Thới Bình, Cà Mau đến ranh giới với tỉnh Bạc Liêu	Huyện Thới Bình	Ranh giới với tỉnh Bạc Liêu	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
6	Kênh Chắc Bãng			
7	Kênh Biện Nhị			- Nguồn cấp cho thủy sản mặn - Giao thông thủy
8	Kênh xáng Minh Hà			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
9	Sông Thanh Tùng			Giao thông thủy
10	Sông Biện Nhuận			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
11	Sông Ấp Hạt			Giao thông thủy
12	Sông Cây Trang			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
13	Sông Trảng Tràm			Giao thông thủy
14	Sông Đầm Dơi			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
15	Sông Mương Điều			Giao thông thủy
16	Sông Ngã Cái - Lung Lá			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
17	Sông Cái Ngay - kênh Ông Đon			Giao thông thủy
18	Sông Mỹ Bình			Nguồn cấp cho thủy sản mặn

Phụ lục XXI
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
A	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	GIAO THÔNG	
1	Các dự án giao thông đường bộ	
1.1	Quốc lộ 1	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.2	Đường Hồ Chí Minh	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.3	Quốc lộ 63	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.4	Đường tỉnh ĐT.984B (Võ Văn Kiệt, Vành đai 2)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.5	Đường tỉnh ĐT.984 (T13 - U Minh – Khánh Hội)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.6	Đường tỉnh ĐT.985B (Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.7	Đường tỉnh ĐT.986 (Đầm Dơi - Cái Nước)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.8	Đường tỉnh ĐT.983 (Trí Phải - Thới Bình)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.9	Đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.10	Đường tỉnh ĐT.983C (đường Vành đai 3)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.11	Đường tỉnh ĐT.986B (ĐH. Rạch Chèo)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.12	Đường tỉnh ĐT.987 (Đê Tây sông Bảy Háp)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.13	Đường tỉnh ĐT.985	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.14	Đường tỉnh ĐT.983D	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.15	Đường tỉnh ĐT.984C (ĐT.984C)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.16	Đường tỉnh ĐT.983B (Cà Mau - Thới Bình - U Minh)	Các huyện và thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
1.17	Đường tỉnh ĐT.985F (Công Đá - Kênh Tư - Giáp Nước)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.18	Đường tỉnh ĐT.990 (Đầm Dơi - Năm Căn)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.19	Tuyến đường cao tốc từ thành phố Cà Mau đến Đất Mũi (triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)	Các huyện và thành phố Cà Mau
2	Các dự án giao thông đường thủy	
2.1	Nâng cấp tuyến đường thủy Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau (đoạn Cần Thơ - Cà Mau đến Năm Căn)	Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023)
2.2	Nâng cấp tuyến vận tải thủy Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau	Tỉnh Kiên Giang - Cà Mau (Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023)
2.3	Sông Ông Đốc	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.4	Sông Gành Hào	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.5	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.6	Kênh Lương Thế Trân	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.7	Kênh Tác Năm Căn	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.8	Sông Bảy Háp	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.9	Sông Trèm Trẹm	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.10	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.11	Sông Cái Tàu - Biện Nhị	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.12	Kênh Thị Kẹo - Cái Đồi Vàm	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.13	Sông Rạch Gốc	Các huyện và thành phố Cà Mau
3	Các dự án giao thông khác	
	Cảng hàng không Cà Mau	Thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
II	THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	
1	Tuyến đê biển Đông tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn, huyện Ngọc Hiển
2	Tuyến đê biển Tây từ Sông Đốc đến Cái Đôi Vàm	Huyện Trần Văn Thời, huyện Phú Tân
3	Dự án đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh 5 và kè phòng chống sạt lở biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Đốc đến cửa Bảy Háp	Huyện Phú Tân, Huyện Trần Văn Thời
4	Tuyến đê Sông Bảy Háp	Huyện Cái Nước, huyện Phú Tân
5	Quản lý bảo vệ vùng ven biển Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
6	Tiếp tục triển khai Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển	Địa bàn tỉnh Cà Mau
7	Dự án “Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau” thuộc dự án “Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau”	Huyện U Minh
8	Các kè phòng, chống sạt lở bờ biển	Các huyện ven biển
8.1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở đoạn từ cửa biển Kiến Vàng đến cửa biển Vàm Lũng	Huyện Ngọc Hiển
8.2	Dự án đầu tư xây dựng kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây (giai đoạn 2)	Huyện Phú Tân, huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh
8.3	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển
8.4	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Tây	Tỉnh Cà Mau
8.5	Dự án xây dựng kè tạo bãi khôi phục rừng phòng hộ bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển
8.6	Kè phòng, chống sạt lở bờ biển (kè giảm sóng) biển Tây đoạn từ Khánh Hội đến Cái Cám	Tỉnh Cà Mau
8.7	Đoạn sạt lở bờ biển Đông từ cửa biển Kênh Năm Ô Rô đến cửa biển Vàm Xoáy	Huyện Ngọc Hiển
8.8	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển từ Hóc Năng đến Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
8.9	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển khu vực cửa Vàm Xoáy, Hố Gùi và đoạn Hố Gùi hướng về Bò Đề	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển
8.10	Các đoạn kè khu vực cửa biển tại ấp Lưu Hoa Thanh; khu vực cửa sông, ven biển Vàm Xoáy	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển
9	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở khu vực chợ Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
10	Xây dựng các công trên tuyến đê từ Kênh 5 - Cái Đôi Vàm (Cái Đôi Nhỏ, Rạch Dơi, Trờì Đánh, Gò Công, Sáu Hậu, Ngã Tư, Rạch Mới, Kênh 90, Rạch Chèo)	Huyện Phú Tân
11	Xây dựng Công Trường Đạo, Khai Hoang	Huyện Đầm Dơi
12	Xây dựng Công Giáo Hồ	Huyện Cái Nước
13	Xây dựng Công Gành Hào	Huyện Đầm Dơi
14	Xây dựng Công Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
15	Xây dựng hệ thống trạm bơm tiêu vùng II, III - Bắc Cà Mau (Xây dựng 03 trạm bơm: trạm bơm Kênh T29, trạm bơm Kênh Đá Bạc, trạm bơm Kênh Rạch Lùm) và 17 trạm bơm thuộc các xã Khánh Bình Đông, Trần Hợi, Khánh Hưng, Khánh Hải)	Huyện Trần Văn Thời
16	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, IV, V - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh, huyện Trần Văn Thời
17	Cụm công trình Tắc Thủ và các công trình thủy lợi ven biển Tây	Huyện Thới Bình, thành phố Cà Mau
18	Xây dựng hồ chứa nước ngọt	Huyện U Minh
19	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XIV - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước
20	Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau (giai đoạn 2)	Thành phố Cà Mau
21	Xây dựng các hạng mục công trình khép kín tiêu vùng II - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh
22	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XII - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước
23	Duy tu sửa chữa bờ bao và nạo vét kênh mương (giai đoạn 1)	Các huyện và thành phố Cà Mau
24	Xây dựng hệ thống chuyển nước ngọt cho bán đảo Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
25	Cụm các công trình chuyển nước Bắc Cà Mau	Huyện Thới Bình và huyện U Minh
26	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Khánh Hội	Huyện U Minh
27	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Ông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
28	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cái Đôi Vàm	Huyện Phú Tân
29	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển
30	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bờ Đê	Huyện Năm Căn
31	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòn Khoai	Huyện Ngọc Hiển
32	Dự án đầu tư xây dựng Cảng cá Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
33	Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng bến cá Hồ Gui, xã Nguyễn Huân	Huyện Đầm Dơi
III	CÔNG NGHIỆP	
	Các dự án đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Các huyện, thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
IV	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO	
1	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh (hoặc Nhà hát Hương Tràm)	Thành phố Cà Mau
3	Nâng cấp Thư viện tỉnh	Thành phố Cà Mau
4	Nhà thi đấu đa năng	Thành phố Cà Mau
5	Khu huấn luyện và đào tạo	Thành phố Cà Mau
6	Đảo Hòn Khoai gồm: Khu vực Hải Đăng, Bãi lớn, Bãi nhỏ.	Huyện Ngọc Hiển
V	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ AN SINH XÃ HỘI	
1	Trường Trung cấp nghề	Thành phố Cà Mau
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	Huyện Năm Căn, huyện Trần Văn Thời
3	Trường Cao đẳng nghề	Thành phố Cà Mau
4	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
5	Cụm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
6	Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	Thành phố Cà Mau
7	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	Thành phố Cà Mau
8	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	Thành phố Cà Mau
9	THPT Nguyễn Văn Nguyễn	Huyện Thới Bình
10	THPT Thới Bình	Huyện Thới Bình
11	THPT Khánh Hưng	Huyện Trần Văn Thời
12	THCS&THPT Nguyễn Huân	Huyện Đầm Dơi
13	THPT Thái Thanh Hòa	Huyện Đầm Dơi
14	THPT Phú Hưng	Huyện Cái Nước
15	THPT Hồ Thị Kỷ	Thành phố Cà Mau
16	THPT Nguyễn Việt Khái	Thành phố Cà Mau
VI	Y TẾ	
1	Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2	Bệnh viện Mắt và Da liễu	Thành phố Cà Mau
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Thành phố Cà Mau
4	Trung tâm Giám định y khoa	Thành phố Cà Mau
5	Trung tâm Pháp y	Thành phố Cà Mau
6	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm	Thành phố Cà Mau
7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Cà Mau
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Cà Mau
9	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Cà Mau
10	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	Thành phố Cà Mau
11	Bệnh viện Quân dân y	Thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
12	Bệnh viện Công an	Thành phố Cà Mau
13	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	Thành phố Cà Mau
14	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
15	Bệnh viện Đa khoa huyện Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
17	Bệnh viện Đa khoa huyện Cái Nước	Huyện Cái Nước
18	Bệnh viện Đa khoa huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
VII	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Nghĩa trang vùng tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
2	Đài hỏa táng cấp vùng tỉnh	Huyện Năm Căn
3	Điều tra, đánh giá, xác định vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Các huyện, thành phố Cà Mau
4	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Cà Mau	Các huyện, thành phố Cà Mau
5	Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học và thành lập các khu bảo tồn, vùng đất ngập nước quan trọng đã được quy hoạch trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ 2021 - 2030	Khu vực dự kiến thành lập
6	Khu xử lý rác cấp tỉnh tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
7	Đài hỏa táng cấp vùng tỉnh tại Lâm Hải, huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
8	Đài hỏa táng cấp vùng huyện tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
9	Nhà tang lễ tại huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
10	Nhà tang lễ tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
VIII	PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	
1	Trụ sở các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực	Huyện Năm Căn, Huyện Trần Văn Thời và thành phố Cà Mau
B	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	GIAO THÔNG	
1	Các công trình giao thông cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh: Cảng biển, cảng hàng hóa thủy nội địa, cảng hành khách, cảng hàng không, cảng cạn	
	Cảng biển	
1.1	Bến cảng Hòn Khoai	Đảo Hòn Khoai
1.2	Khu bến Năm Căn (trong Khu kinh tế Năm Căn)	Huyện Năm Căn
1.3	Khu bến Ông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
1.4	Bến cảng ngoài khơi cửa sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
1.5	Bến cảng LNG và kho nổi tại khu vực biển Tây	Tỉnh Cà Mau
	Cảng hàng hóa thủy nội địa	
1.6	Cảng Cà Mau (Bến xếp dỡ Cà Mau)	Thành phố Cà Mau
1.7	Cảng sông Gành Hào	Huyện Đầm Dơi
1.8	Cảng Tân Thành	Thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
1.9	Cảng sông Ông Đốc (gồm cảng Tấn Phát)	Huyện Trần Văn Thời
1.10	Cảng Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
1.11	Cảng Hòn Chuối	Huyện Trần Văn Thời
1.12	Cảng Dịch Vụ Khánh An (Khí - điện - đạ m Cà Mau)	Huyện U Minh
1.13	Cảng kho xăng dầu Tắc Vân	Thành phố Cà Mau
1.14	Các cảng khác	Các huyện và thành phố
	Cụ m cảng khách Cà Mau	
1.15	Cảng khách Cà Mau	Thành phố Cà Mau
1.16	Cảng khách Ông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
1.17	Các cảng khác	Các huyện và thành phố
	Cảng cạn	
1.18	Cảng cạn	Tỉnh Cà Mau
2	Công trình giao thông cấp tỉnh: Cảng khách, bến xe, trạm dừng nghỉ	
	Cảng hành khách	
2.1	Cảng khách Năm Căn	Huyện Năm Căn
2.2	Cảng khách Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
2.3	Cảng khách Hòn Khoai	Huyện Ngọc Hiển
2.4	Cảng khách Hòn Chuối	Huyện Trần Văn Thời
2.5	Cảng hành khách khác	Các huyện và thành phố
	Bến xe	
2.6	Bến xe khách Cà Mau - Kiên Giang	Thành phố Cà Mau
2.7	Bến xe khách Quản Lộ - Phụng Hiệp	Thành phố Cà Mau
2.8	Bến xe khách Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2.9	Bến xe khách Thới Bình	Huyện Thới Bình
2.10	Bến xe khách Khánh Hội	Huyện U Minh
2.11	Bến xe khách Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
2.12	Bến xe khách Cái Nước	Huyện Cái Nước
2.13	Bến xe khách Cái Đồi Vàm	Huyện Phú Tân
2.14	Bến xe khách Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi
2.15	Bến xe - tàu khách Năm Căn	Huyện Năm Căn
2.16	Bến xe khách Ngọc Hiển	Huyện Ngọc Hiển
2.17	Bến xe khách Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
2.18	Các bến xe khách khác	Các huyện, thành phố
	Trạm dừng nghỉ	
2.19	Trạm dừng nghỉ phía Bắc thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2.20	Trạm dừng nghỉ Năm Căn	Huyện Năm Căn
2.21	Trạm dừng nghỉ Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
2.22	Trạm dừng nghỉ Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
3	Các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão	Tỉnh Cà Mau
II	NĂNG LƯỢNG	
1	Các Nhà máy điện đốt rác	Các huyện, thành phố
2	Các Nhà máy điện gió	Trên địa bàn các huyện ven biển
3	Các nhà máy điện sinh khối	Các huyện, thành phố
4	Các dự án sản xuất Hydro từ năng lượng tái tạo + cảng xuất	Trên địa bàn các huyện ven biển
5	Các dự án năng lượng tái tạo không nối lưới, để xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển
6	Trạm 500kV gom công suất năng lượng tái tạo lên đường dây truyền tải về trạm chuyển đổi xuất khẩu điện	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn
7	Đường dây 500kV gom công suất năng lượng tái đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển
8	Đường dây 220kV gom công suất năng lượng tái đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển
9	Trạm chuyển đổi AC/DC xuất khẩu điện	Huyện Ngọc Hiển
10	Đường dây truyền tải DC/AC xuất khẩu điện	Khu vực biển Đông, Tây tỉnh Cà Mau
III	THỦY LỢI, CẤP NƯỚC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	
1	Cảng cá Tân Thuận (kết hợp khu neo đậu trú bão)	Khu cửa biển Gành Hào, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi
2	Xây dựng mới công trình cấp nước nông thôn	Các huyện
3	Xây dựng mới công trình kè phòng chống sạt lở bờ biển	Các huyện ven biển
IV	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ	
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp	Các huyện: U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước, Năm Căn, Đầm Dơi
2	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp	Các huyện và thành phố Cà Mau
V	CÔNG NGHIỆP	
1	Các nhà máy chế biến thủy sản công nghệ cao	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
2	Nhà máy đạm	-
VI	DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI	
1	Kho xăng dầu	-
2	Kho khí đốt	-

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
3	Dự án khu thương mại, dịch vụ (vị trí tại Khu đất thu hồi của Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần)	Thành phố Cà Mau
4	Dự án khu thương mại, dịch vụ (vị trí tại trường trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cũ))	Thành phố Cà Mau
5	Dự án đầu tư xây dựng chợ (vị trí tại Khu đất quy hoạch Chợ nổi Phường 7)	Thành phố Cà Mau
VII	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN	
1	Dự án nuôi tôm công nghệ cao	Thành phố Cà Mau
2	Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi heo, gia cầm tập trung, công nghiệp, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao	Huyện U Minh, Trần Văn Thời, Đầm Dơi
3	Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp	Huyện U Minh, Trần Văn Thời, Đầm Dơi, Thới Bình, Cái Nước
4	Dự án nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao	Huyện Đầm Dơi
5	Dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản công nghệ cao	Huyện Đầm Dơi
6	Xây dựng vùng nguyên liệu nuôi tôm càng xanh toàn đực theo tiêu chuẩn VietGAP	Huyện Thới Bình
7	Dự án xây dựng vùng nuôi tôm theo quy trình hữu cơ trên địa bàn huyện Thới Bình	Huyện Thới Bình
8	Dự án xây dựng vùng chuyên canh sản xuất lúa thơm hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm	Huyện Thới Bình
9	Vùng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao Khánh Lâm, U Minh	Huyện U Minh
10	Vùng sản xuất lúa hữu cơ	Huyện Thới Bình
11	Vùng nuôi tôm sinh thái xã Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
12	Vùng nuôi tôm sinh thái xã Tam Giang Tây	Huyện Ngọc Hiển
13	Vùng nuôi tôm sinh thái xã Tân Ân Tây	Huyện Ngọc Hiển
VIII	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Nhà máy xử lý rác thải	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
2	Nhà máy xử lý nước mặn thành nước ngọt	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
3	Khu xử lý, chế biến rác tập trung	Huyện Trần Văn Thời
4	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch Khánh Hội	Huyện U Minh
5	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn	Huyện U Minh
IX	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	
1	Sân golf	Thành phố Cà Mau
2	Sân golf (thuộc dự án trọng điểm du lịch quốc gia)	Huyện Ngọc Hiển

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
3	Sân golf (khu vực Đầm Thị Tường)	Huyện Cái Nước, huyện Phú Tân, huyện Trần Văn Thời
4	Dự án dịch vụ, thể dục thể thao tại lô A2 - Khu liên hợp Thể dục - Thể thao tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau
5	Khu thể thao dưới nước	Thành phố Cà Mau
6	Trung tâm văn hóa và liên hợp thể dục thể thao	Huyện U Minh
7	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đầm Thị Tường	Huyện Trần Văn Thời
8	Dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Huyện U Minh và huyện Trần Văn Thời
9	Dự án phát triển du lịch kết hợp khai thác hồ nước ngọt U Minh	Huyện U Minh
10	Đầu tư xây dựng Điểm du lịch Khu di tích Bác Ba Phi	Huyện Trần Văn Thời
11	Khu du lịch sinh thái Sông Trẹm	Huyện U Minh
12	Điểm du lịch sinh thái cụm đảo Hòn Khoai	Huyện Ngọc Hiển
X	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung học phổ thông (trung học phổ thông liên cấp trung học cơ sở) tư thục	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
2	Trường cao đẳng	Thành phố Cà Mau
XI	Y TẾ	
1	Khu an dưỡng	Thành phố Cà Mau
2	Dự án đầu tư xây dựng và cung cấp trang thiết bị Bệnh viện đa khoa tư nhân thị trấn Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
3	Bệnh viện đa khoa tư nhân kỹ thuật cao	Thành phố Cà Mau
XII	KHU DÂN CƯ, ĐÔ THỊ	
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội xã Khánh An, huyện U Minh	Huyện U Minh
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ	Thành phố Cà Mau
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở mở rộng Khu dân cư - Tái định cư Sông cũ (Khu A), phường Tân Xuyên	Thành phố Cà Mau
4	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A - Khu B	Thành phố Cà Mau
5	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thu nhập thấp Khóm 1, Tân Xuyên, thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu dịch vụ, thương mại và dân cư xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	Huyện Cái Nước
7	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị mới ấp Bào Sơn, xã Lý Văn Lâm	Thành phố Cà Mau
8	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư - dịch vụ thương mại thị trấn Thới Bình	Huyện Thới Bình
9	Dự án Khu đô thị mới Năm Căn, huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
10	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư kênh xáng bờ Tây sông Cái Tàu	Huyện U Minh
11	Khu dân cư (khu B) Làng cá Khánh Hội, huyện U Minh	Huyện U Minh
12	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư - dịch vụ thương mại Phường 1	Thành phố Cà Mau
13	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị khóm 1, phường Tân Xuyên (giai đoạn 1)	Thành phố Cà Mau
14	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Phường 4 và Phường 9, thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
15	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thu nhập thấp và Viện dưỡng lão	Thành phố Cà Mau
XIII	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
1	Trung tâm phân tích, kiểm nghiệm tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2	Trung tâm Kỹ thuật, Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng	Thành phố Cà Mau
3	Khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước ngọt	Huyện U Minh
4	Khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước lợ và nước mặn	Huyện Ngọc Hiển
XIV	LĨNH VỰC KHÁC	Huyện Ngọc Hiển
1	Đầu tư xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Trần Văn Thới	Huyện Trần Văn Thới
XV	Đối với các dự án chưa có trong danh mục ưu tiên mời gọi đầu tư hoặc các dự án ưu tiên mời gọi các năm tiếp theo, trong trường hợp được các cơ quan trung ương quy hoạch hoặc các dự án do nhà đầu tư đề xuất phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sẽ được xem xét, bổ sung vào Kế hoạch triển khai thực hiện trong từng giai đoạn cụ thể.	

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư dự án..

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXII
DANH MỤC VÀ TỶ LỆ SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	TỶ LỆ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Sơ đồ, bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Sơ đồ phương án xây dựng vùng huyện tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
9	Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch	1:100.000